

Bản án số: 118/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Đức Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 1517/TB-TA ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thu H; địa chỉ: Số X phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh K; địa chỉ: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Đào Thu H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có được gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng ngày 24 tháng 10 năm 2019. Sau khi kết hôn, anh K ở Việt Nam một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ngôn ngữ, chênh lệch tuổi tác và cách sống không hợp nhau. Sau đó anh K về Hàn Quốc sinh sống, còn chị vẫn ở Việt Nam, chị đã liên lạc với anh K nhiều lần nhưng không được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có, chị không yêu cầu giải quyết. Do công việc chị bận nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Anh K là người Hàn Quốc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo thời gian mở phiên tòa cho anh K. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc có Văn bản gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có nội dung không thể tổng đạt cho anh K vì đóng cửa, vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Tòa án xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thu H. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thu H được ly hôn với anh K. Về con chung, tài sản chung: Chị Đào Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Đào Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn là anh K là người Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về kết quả ủy thác tư pháp và sự vắng mặt của đương sự: Theo địa chỉ mà chị Đào Thu H cung cấp cũng như địa chỉ mà anh K đã khai khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Đào Thu H, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K. Tuy nhiên, do không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu của đương sự ở nước ngoài, ngay khi hoãn phiên tòa lần 1, Tòa án đã có Văn bản số 577/TA-TDS ngày 23/3/2021 đề nghị Bộ Tư pháp thông báo việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng đối với anh K. Ngày 15/4/2021 Bộ Tư pháp đã có văn bản số 794/CH-BTP đề nghị Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc trả lời về kết quả thực hiện

ủy thác tư pháp. Ngày 26 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Đại Hàn Dân quốc với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện tổng đạt được cho anh K bởi đóng cửa, vắng mặt. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thu H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng ngày 24 tháng 10 năm 2019 thì theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa chị Đào Thu H và anh K là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh K ở Việt Nam một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ngôn ngữ, chênh lệch tuổi tác và cách sống không hợp nhau, anh K về Hàn Quốc sinh sống, còn chị vẫn ở Việt nam, từ đó đến nay anh chị không liên lạc với nhau. Như vậy, giữa chị Đào Thu H và anh K không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo pháp luật Việt Nam. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thu H là chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Đào Thu H đối với anh K.

[4] Về con chung: Chị Đào Thu H trình bày vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đào Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thu H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về phí ủy thác tư pháp: Chị Đào Thu H phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thu H được ly hôn với anh K.
2. Về con chung và tài sản chung: Chị Đào Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu số 0008472 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Đào Thu H đã nộp đủ.
4. Về chi phí tố tụng: Chị Đào Thu H phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai số 0008473 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Đào Thu H đã nộp đủ.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Sơn